CTCP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 05/2026/CBTT-VMG	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao dịch Chứng khoán Nhà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu
   - Mã chứng khoán: VMG
   - Địa chỉ: 52 Lý Thường Kiệt, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh
   - Điện thoại liên hệ: 064.3512572
   - E-mail: ngocdtb1309@gmail.com

2. Nội dung công bố thông tin:
   - Báo cáo tài chính năm 2025
     ☑ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán trên có đơn vị trực thuộc).
     ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)
     ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
   - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
     - Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2024:
       ☐ Có ☐ Không
       Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
       ☐ Có ☐ Không
     - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):
       ☐ Có ☐ Không
       Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
       ☐ Có ☐ Không
     - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
       ☐ Có ☐ Không
       Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
       ☐ Có ☐ Không
     - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
       ☐ Có ☐ Không
       Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
       ☐ Có ☐ Không

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
DN: C=VN, S=TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500755050
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.31 14:15:45 +07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.0.2

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn www.vimexcogas.com.vn, mục Thông tin cổ đông – Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin

Đặng Thị Bích Ngọc

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty") được hình thành thông qua quá trình Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Chi nhánh Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5335/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 lần đầu ngày 21/7/2006, thay đổi các lần và lần thứ 7 ngày 11/5/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 thay đổi lần thứ 7 ngày 11/5/2022 là 96.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng)*.

Tên Công ty ty viết bằng tiếng nước ngoài: VUNGTAU PETROLEUM TRADING AND SERVIECS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VIMEXCO GAS.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 52 Lý Thường Kiệt, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán VMG.

Theo thông báo số 02/2026/CBTT-VMG ngày 13/01/2026, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu không còn đáp ứng đủ điều kiện là Công ty đại chúng nhưng vẫn được duy trì tư cách Công ty đại chúng đến hết 31/12/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Chí	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	Thành viên
Bà Lee Juyoung	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/4/2025 và miễn nhiệm từ ngày 11/8/2025)
Ông Nguyễn Huy Thành	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 11/8/2025)
Ông Trần Thái Hưng Long	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Võ Cao Phong	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Hiếu	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 07/5/2025)
Ông Trần Thái Hưng Long	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 07/5/2025)

Kế toán trưởng

Bà Hồ Thái Hòa	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 06/10/2025)
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 06/10/2025)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CHẤP THUẬN ĐỂ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt và chấp thuận để Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đính kèm, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3500755050-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Hữu Chí
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Trần Minh Hiếu
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 161/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu được lập ngày 28/3/2026, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.12 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, liên quan đến sở hữu quyền sử dụng đất tại 52 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là 52 Lý Thường Kiệt, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh). Đến thời điểm phát hành các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa xử lý tranh chấp và sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.4 - Tại ngày 31/12/2025, Nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 21.529.729.627 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2025 với số tiền là 147.426.723.246 VND, đồng thời khoản lỗ lũy kế này đã làm âm Vốn chủ sở hữu với số tiền là 12.868.769.704 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tái cơ cấu lại Công ty của Ban Điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa	**Lê Thanh Tùng Lâm**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5475-2026-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**53.243.474.160**	**78.509.555.250**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**4.643.733.494**	**3.094.956.546**
1. Tiền	111		4.643.733.494	3.094.956.546
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5.2**	**1.160.429**	**1.122.826**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.160.429	1.122.826
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**46.575.699.356**	**71.544.348.202**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	72.008.418.026	96.820.611.618
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	12.508.936.798	9.011.768.064
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.564.928.260	4.557.318.260
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(42.674.792.154)	(39.013.558.166)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	168.208.426	168.208.426
IV- Hàng tồn kho	**140**	**5.8**	**1.411.586.972**	**2.820.830.024**
1. Hàng tồn kho	141		1.411.586.972	2.820.830.024
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**611.293.909**	**1.048.297.652**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	308.639.392	890.223.503
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		158.074.149	158.074.149
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	144.580.368	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**52.509.200.874**	**62.812.111.508**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**484.019.499**	**780.068.079**
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	484.019.499	780.068.079
II Tài sản cố định	**220**		**24.823.669.218**	**28.951.168.642**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	21.947.149.466	24.073.821.030
- *Nguyên giá*	*222*		*76.435.220.901*	*73.625.621.109*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(54.488.071.435)*	*(49.551.800.079)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	-	1.900.701.000
- *Nguyên giá*	*225*		-	*2.591.865.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	*(691.164.000)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	2.876.519.752	2.976.646.612
- *Nguyên giá*	*228*		*4.668.279.000*	*4.668.279.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.791.759.248)*	*(1.691.632.388)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**918.500.000**	**1.024.062.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	918.500.000	1.024.062.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		**26.283.012.157**	**32.056.812.787**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	26.283.012.157	32.056.812.787
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**105.752.675.034**	**141.321.666.758**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**118.621.444.738**	**128.042.943.888**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**74.773.203.787**	**84.194.857.240**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	33.720.079.191	48.823.907.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	2.104.641.701	3.557.818.156
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.719.246.368	2.038.416.345
4. Phải trả người lao động	314		2.268.602.046	1.683.135.015
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	89.370.327	74.994.487
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	14.521.051.686	7.198.656.638
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	20.350.000.000	20.817.716.660
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		212.468	212.468
II- Nợ dài hạn	**330**		**43.848.240.951**	**43.848.086.648**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.14	732.059.850	732.059.850
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	5.999.685
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	4.293.631.101	4.287.477.113
4. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.19	38.822.550.000	38.822.550.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**(12.868.769.704)**	**13.278.722.870**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.20**	**(12.868.769.704)**	**13.278.722.870**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*96.000.000.000*	*96.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.149.050.000	35.149.050.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.823.272.048	2.823.272.048
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		585.631.494	585.631.494
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(147.426.723.246)	(121.279.230.672)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(121.279.230.672)*	*(114.877.844.544)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(26.147.492.574)*	*(6.401.386.128)*
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**105.752.675.034**	**141.321.666.758**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Hồ Thái Hòa	Trần Minh Hiếu

M.S.D.N:3500755050-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**334.408.069.279**	**637.448.445.154**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	7.018.941.187	10.517.066.261
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)**	**10**	**6.3**	**327.389.128.092**	**626.931.378.893**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.4	297.647.507.413	579.181.583.260
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**29.741.620.679**	**47.749.795.633**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.529.799	10.387.279
7.	Chi phí tài chính	22	6.6	8.810.972.783	9.217.476.064
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*8.343.411.686*	*8.710.308.543*
8.	Chi phí bán hàng	25	6.7	38.181.280.628	39.462.610.640
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	9.652.068.245	6.722.221.413
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(26.901.171.178)**	**(7.642.125.205)**
11.	Thu nhập khác	31	6.8	1.343.316.822	3.124.849.022
12.	Chi phí khác	32	6.8	589.638.218	1.377.555.676
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.8**	**753.678.604**	**1.747.293.346**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**(26.147.492.574)**	**(5.894.831.859)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	506.554.269
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(26.147.492.574)**	**(6.401.386.128)**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.11**	**(2.724)**	**(667)**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Hồ Thái Hòa	Trần Minh Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***(26.147.492.574)***	***(5.894.831.859)***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		4.447.388.708	4.330.402.236
- Các khoản dự phòng	03		3.661.233.988	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.438.889)	(2.481.355)
- Chi phí lãi vay	06		8.343.411.686	8.710.308.543
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***(9.697.897.081)***	***7.143.397.565***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.458.883.070	(25.926.325.722)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.409.243.052	(804.904.522)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.457.116.946)	27.460.938.077
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.355.384.741	4.395.692.629
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.183.522.961)	(6.500.094.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(506.554.269)	(1.352.016.036)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***2.378.419.606***	***4.416.687.959***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(364.327.284)	(1.031.513.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		909.090	59.431.300
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.603)	(34.220)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.529.799	9.548.737
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(361.925.998)***	***(962.567.383)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		54.550.000.000	58.650.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(54.800.000.000)	(64.517.597.520)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(217.716.660)	(653.149.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(467.716.660)***	***(6.520.747.500)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**1.548.776.948**	**(3.066.626.924)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**3.094.956.546**	**6.161.583.470**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	**70**	**5.1**	**4.643.733.494**	**3.094.956.546**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Hồ Thái Hòa	Trần Minh Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Chi nhánh Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5335/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 lần đầu ngày 21/7/2006 và lần thứ 7 ngày 11/5/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 thay đổi lần thứ 7 ngày 11/5/2022 là 96.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng).*

Tên Công ty ty viết bằng tiếng nước ngoài: VUNGTAU PETROLEUM TRADING AND SERVIECS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VIMEXCO GAS.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 52 Lý Thường Kiệt, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán VMG.

Theo Thông báo số 02/2026/CBTT-VMG ngày 13/01/2026, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu không còn đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng nhưng vẫn được duy trì tư cách công ty đại chúng đến hết 31/12/2026.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 71 người (Tại ngày 31/12/2024 là 87 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Chi tiết: Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Giám định kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; Kiểm định phương tiện đo lường;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kinh loại (Chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt;
- Sửa chữa thiết bị khác (Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì bình Gas, bồn Gas);
- Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại (Chi tiết: Xi mạ, sơn bình Gas (không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất vỏ bình Gas (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động);
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư;

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG);

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2025 gồm:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Bình Dương (Nay là TP. Hồ Chí Minh)	Số 218A, ấp Lồ Ô, xã An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (Nay là TP. Hồ Chí Minh)
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Đồng Nai	(Nằm trong khuôn viên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai) ấp 1A, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai
3	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	110A Hoàng Hoa Thám, phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh
4	Chi nhánh Thành phố Thủ Đức - Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	677A Lê Văn Việt, phường Tân Nhơn Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, Tại ngày 31/12/2025, Nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 21.529.729.627 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2025 với số tiền là 147.426.723.246 VND, đồng thời khoản lỗ lũy kế này đã làm vượt Vốn chủ sở hữu với số tiền là 12.868.769.704 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, Công ty có thể sẽ không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của mình trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã làm việc với bên cho vay và nhà cung cấp về việc gia hạn các khoản phải trả trong năm 2026.
- Tích cực làm việc với các khách hàng để thu hồi các khoản công nợ phải thu đến hạn.
- Áp dụng các chính sách bán hàng mới nhằm tiếp cận thêm các khách hàng mới từ đó đẩy mạnh tiêu thụ.

Ban Điều hành Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm ngày 30/6/2015. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí đầu tư vỏ bình gas được phân bổ trong thời gian 120 tháng.

Chi phí đầu tư van bình gas được phân bổ trong thời gian từ 36 tháng đến 120 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí bảo hành, phí kiểm định, các chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt đồng kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty (gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết).

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo gốc vay, thời gian và lãi suất hợp đồng vay.
- Chi phí khác: Trích trước theo thời điểm chi phí phát sinh phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu tài chính phù hợp với thời gian trả trước lãi của khoản cho vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Thông báo của Công ty về thời gian chi trả Cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Thu nhập từ phân bổ khoản nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình gas

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào doanh thu nhập khác theo đường thẳng với thời hạn phân bổ là 10 năm.

Lãi tiền gửi, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

• Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

• Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

• Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành Công ty cho rằng Hoạt động chủ yếu và chiếm gần 100% của Công ty là mua bán Khí hóa lỏng LPG nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, đồng thời, Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý do Công ty chỉ hoạt động duy nhất tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	75.565.353	865.198.678
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.568.168.141	2.229.757.868
Tổng	**4.643.733.494**	**3.094.956.546**

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.160.429	1.160.429	1.122.826	1.122.826
Tổng	**1.160.429**	**1.160.429**	**1.122.826**	**1.122.826**

(i) Tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng Tiền gửi có kỳ hạn - Tích lũy tự động số 11/2021/HDBank-TLTD ngày 06/12/2021 tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sài Gòn; áp dụng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tương ứng kỳ hạn 03 tháng do Ngân hàng công bố từng thời kỳ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ Phần Năng Lượng Long Yin Long An	22.824.029.114	1.481.106.854
Công ty TNHH Dầu Khí Long Thuận	10.233.594.135	18.749.022.050
Công Ty TNHH Đầu tư Minh Quang	11.797.348.653	11.797.348.653
Công Ty CP Dầu khí và Khoáng sản Quốc tế PASC	10.506.984.826	10.506.984.826
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng Lượng Tp. Hồ Chí Minh	466.724.718	36.331.215.057
Các khách hàng khác	16.179.736.580	17.954.934.178
Tổng	**72.008.418.026**	**96.820.611.618**
***Trong đó: Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan** (Chi tiết xem tại thuyết minh số 7.1)*	*25.925.949.703*	*40.447.517.782*

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	6.283.994.113	6.283.994.113
Công ty TNHH Hóa Chất Hyosung Vina	3.241.572.883	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Hưng Phú Cường	1.790.000.000	1.640.000.000
Các đối tượng khác	1.193.369.802	1.087.773.951
Tổng	**12.508.936.798**	**9.011.768.064**
***Trong đó, Trả trước cho người bán là các bên liên quan** (Chi tiết xem tại thuyết minh số 7.1)*	*6.283.994.113*	*6.283.994.113*

5.5 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**4.564.928.260**	**(3.593.114.185)**	**4.557.318.260**	**(3.593.114.185)**
Tạm ứng	146.553.596	(79.349.521)	141.553.596	(79.349.521)
Ký cược, ký quỹ	2.000.000	-	2.000.000	-
Phải thu khác	4.416.374.664	(3.513.764.664)	4.413.764.664	(3.513.764.664)
Công ty CP Công nghệ An toàn Dầu khí PV Safety (mượn hàng)	*3.053.985.415*	*(3.053.985.415)*	*3.053.985.415*	*(3.053.985.415)*
Công ty CP ĐT XNK và Phát Triển Năng Lượng Toàn Cầu	*900.000.000*	-	*900.000.000*	-
Phải thu khác	*462.389.249*	*(459.779.249)*	*459.779.249*	*(459.779.249)*
Dài hạn	**484.019.499**	-	**780.068.079**	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	279.921.420	-
Phải thu các đối tượng khác	484.019.499	-	500.146.659	-
Tổng	**5.048.947.759**	**(3.593.114.185)**	**5.337.386.339**	**(3.593.114.185)**
***Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan** (Chi tiết xem tại thuyết minh số 7.1)*	*1.079.526.006*	-	*1.079.526.006*	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
1. Phải thu khách hàng	**48.314.782.831**	**(38.541.588.091)**	**9.773.194.740**	**56.830.210.746**	**(35.150.354.103)**	**21.679.856.643**
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang	11.797.348.653	(11.797.348.653)	-	11.797.348.653	(11.797.348.653)	-
Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản Quốc tế PASC	10.506.984.826	(10.506.984.826)	-	10.506.984.826	(10.506.984.826)	-
Công ty TNHH AN Thuận	2.732.895.330	(2.437.256.608)	295.638.722	2.732.895.330	(2.437.256.608)	295.638.722
DNTN TM Thuận Hương	1.542.028.500	(1.542.028.500)	-	1.542.028.500	(1.542.028.500)	-
Gas Tám Lang	974.977.390	(974.977.390)	-	974.977.390	(974.977.390)	-
Công ty TNHH Dầu khí Long Thuận	10.233.594.135	(3.070.078.241)	7.163.515.894	18.749.022.050	-	18.749.022.050
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	2.635.195.871	(790.558.761)	1.844.637.110	2.635.195.871	-	2.635.195.871
Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	496.883.149	(27.480.135)	469.403.014	496.883.149	(496.883.149)	-
Các đối tượng còn lại	7.394.874.977	(7.394.874.977)	-	7.394.874.977	(7.394.874.977)	-
2. Phải thu khác	**4.738.710.420**	**(4.108.710.420)**	**630.000.000**	**4.738.710.420**	**(3.838.710.420)**	**900.000.000**
Công ty CP Công nghệ An toàn Dầu khí PV Safety (mượn hàng)	3.053.985.415	(3.053.985.415)	-	3.053.985.415	(3.053.985.415)	-
Công ty TNHH An Thuận (mượn hàng)	209.730.415	(209.730.415)	-	209.730.415	(209.730.415)	-
Công ty CP ĐT XNK Và Phát triển Năng Lượng Toàn Cầu	900.000.000	(270.000.000)	630.000.000	900.000.000	-	900.000.000
Các đối tượng khác	574.994.590	(574.994.590)	-	574.994.590	(574.994.590)	-
3. Trả trước cho người bán	**24.493.643**	**(24.493.643)**	**-**	**24.493.643**	**(24.493.643)**	**-**
Công ty TNHH Tam Kỳ	24.493.643	(24.493.643)	-	24.493.643	(24.493.643)	-
Tổng	**53.077.986.894**	**(42.674.792.154)**	**10.403.194.740**	**61.593.414.809**	**(39.013.558.166)**	**22.579.856.643**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Hàng tồn kho	168.208.426	168.208.426
Tổng	**168.208.426**	**168.208.426**

5.8 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	98.369.001	-	98.369.001	-
Hàng hóa	1.313.217.971	-	2.722.461.023	-
Tổng	**1.411.586.972**	**-**	**2.820.830.024**	**-**

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**308.639.392**	**890.223.503**
Công cụ, dụng cụ	86.902.380	482.673.171
Phí bảo hiểm	23.256.130	41.505.921
Phí sử dụng đường bộ	12.484.667	32.555.074
Chi phí sửa chữa	100.637.108	221.900.953
Chi phí khác	85.359.107	111.588.384
b) Dài hạn	**26.283.012.157**	**32.056.812.787**
Công cụ, dụng cụ (i)	24.082.796.970	30.443.887.882
Phí kiểm định	1.801.287.838	1.220.631.311
Chi phí sửa chữa	350.150.846	321.233.166
Chi phí khác	48.776.503	71.060.428
Tổng	**26.591.651.549**	**32.947.036.290**

(i) Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ chủ yếu là chi phí vỏ bình gas mang thương hiệu của Công ty, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**16.286.587.682**	**45.514.629.015**	**11.730.118.698**	**94.285.714**	**73.625.621.109**
Tăng trong năm	-	**2.911.754.284**	-	-	**2.911.754.284**
Mua sắm mới	-	319.889.284	-	-	319.889.284
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	2.591.865.000	-	-	2.591.865.000
Giảm trong năm	-	**102.154.492**	-	-	**102.154.492**
Thanh lý nhượng bán	-	102.154.492	-	-	102.154.492
Số dư tại ngày 31/12/2025	**16.286.587.682**	**48.324.228.807**	**11.730.118.698**	**94.285.714**	**76.435.220.901**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**8.708.073.906**	**31.207.418.064**	**9.542.022.395**	**94.285.714**	**49.551.800.079**
Tăng trong năm	**963.754.260**	**3.346.962.416**	**727.709.172**	-	**5.038.425.848**
Khấu hao trong năm	963.754.260	2.569.402.916	727.709.172	-	4.260.866.348
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	777.559.500	-	-	777.559.500
Giảm trong năm	-	**102.154.492**	-	-	**102.154.492**
Thanh lý nhượng bán	-	102.154.492	-	-	102.154.492
Số dư tại ngày 31/12/2025	**9.671.828.166**	**34.452.225.988**	**10.269.731.567**	**94.285.714**	**54.488.071.435**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	**7.578.513.776**	**14.307.210.951**	**2.188.096.303**	-	**24.073.821.030**
Tại ngày 31/12/2025	**6.614.759.516**	**13.872.002.819**	**1.460.387.131**	-	**21.947.149.466**

Nguyên giá của tài sản cố định các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 5.637.553.666VND (tại ngày 31/12/2024 là 5.770.733.158 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	**2.591.865.000**	**2.591.865.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	**2.591.865.000**	**2.591.865.000**
Mua lại tài sản thuê tài chính	2.591.865.000	**2.591.865.000**
Số dư tại 31/12/2025	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	**691.164.000**	**691.164.000**
Tăng trong năm	**86.395.500**	**86.395.500**
Khấu hao trong năm	86.395.500	86.395.500
Giảm trong năm	**777.559.500**	**777.559.500**
Mua lại tài sản thuê tài chính	777.559.500	777.559.500
Số dư tại 31/12/2025	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	**1.900.701.000**	**1.900.701.000**
Tại 31/12/2025	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (i)	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	**4.668.279.000**	**4.668.279.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	**4.668.279.000**	**4.668.279.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	**1.691.632.388**	**1.691.632.388**
Tăng trong năm	**100.126.860**	**100.126.860**
Khấu hao trong năm	100.126.860	100.126.860
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	**1.791.759.248**	**1.791.759.248**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	**2.976.646.612**	**2.976.646.612**
Tại ngày 31/12/2025	**2.876.519.752**	**2.876.519.752**

(i) Quyền sử dụng đất của Công ty là giá trị của 02 lô đất:

- Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại ấp Lồ Ô, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (Nay là TP. Hồ Chí Minh) do ông Lê Quý Bình (từng là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty) đứng tên. Giá trị còn lại của lô đất này tại 31/12/2025 là 2.044.086.612 VND. Ông Lê Quý Bình đã ủy quyền cho Công ty được quản lý, sử dụng, cho thuê, thế chấp, bán, chuyển nhượng, tặng cho đối với lô đất trên.

- Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 52 Lý Thường Kiệt, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh đang là tài sản bị tranh chấp giữa bà Châu Mỹ Lang và Công ty. Ngày 05/3/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyền sử dụng đất tại căn nhà trên để chuyển trả cho chủ sở hữu là bà Châu Mỹ Lang. Ngày 25/4/2015, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 487/QĐ-BXD về việc không công nhận Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 05/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 26/3/2021, Văn phòng Chính phủ có công văn số 2056/VPCP-V.I gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại về căn nhà số 54 Lý Thường Kiệt (là số cũ của căn nhà số 52 Lý Thường Kiệt), phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Nay là TP. Hồ Chí Minh) xử lý dứt điểm việc tranh chấp và sang tên chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty. Liên quan đến sở hữu quyền sử dụng đất tại 52 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Đến thời điểm phát hành các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa xử lý tranh chấp và sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty.

5.13 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lập hồ sơ đất (*)	918.500.000	918.500.000
Chi phí lập lắp đặt bổ sung hệ thống PCCC tại CN Gò Dầu	-	105.562.000
Tổng	**918.500.000**	**1.024.062.000**

(*) Đây là chi phí hoàn thiện pháp lý đất bến cát, Công ty nhận chuyển mục đích sử dụng đất và sang tên từ ông Lê Quý Bình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	**33.720.079.191**	**33.720.079.191**	**48.823.907.471**	**48.823.907.471**
Công ty TNHH Thương Mại Năng Lượng Đông Sài Gòn	19.172.750.804	19.172.750.804	-	-
Công ty CP Tập Đoàn Dầu Khí Thái Bình Dương	6.870.791.203	6.870.791.203	15.386.219.118	15.386.219.118
Công ty Cổ Phần Năng Lượng Long Yin Long An	4.651.861.043	4.651.861.043	-	-
Công Ty CP XNK Năng Lượng Tp Hồ Chí Minh	-	-	30.504.446.185	30.504.446.185
Các đối tượng khác	3.024.676.141	3.024.676.141	2.933.242.168	2.933.242.168
b) Dài hạn	**732.059.850**	**732.059.850**	**732.059.850**	**732.059.850**
Công ty TNHH Thiên Mã	732.059.850	732.059.850	732.059.850	732.059.850
Tổng	**34.452.139.041**	**34.452.139.041**	**49.555.967.321**	**49.555.967.321**

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bình Minh	1.113.767.131	2.023.805.535
Công ty Cổ Phần F.A	52.586.995	52.586.995
Cửa hàng LPG Chai Thùy Linh	77.228.324	129.013.564
Công ty TNHH MTV Bảo Liên	637.653.180	501.844.850
Công ty CP Tập Đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	-	804.699.464
Các đối tượng khác	223.406.071	45.867.748
Tổng	**2.104.641.701**	**3.557.818.156**
Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan *(Chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	-	*804.699.464*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	**2.038.416.345**	**2.060.321.508**	**2.379.491.485**	**1.719.246.368**
Thuế GTGT	560.529.359	1.500.465.571	1.289.807.773	771.187.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.973.901	-	361.973.901	-
Thuế thu nhập cá nhân	183.353.085	461.946.939	629.800.813	15.499.211
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	932.560.000	90.908.998	90.908.998	932.560.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phải thu	-	-	**144.580.368**	**144.580.368**
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	144.580.368	144.580.368

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	26.494.520	27.701.080
Các khoản khác	62.875.807	47.293.407
Tổng	**89.370.327**	**74.994.487**

5.18 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**14.521.051.686**	**7.198.656.638**
Tài sản thừa chờ giải quyết	343.861	343.861
Kinh phí công đoàn	432.372.523	240.250.523
Phải trả khác, trong đó:	14.088.335.302	6.958.062.254
- Ông Nguyễn Thanh Tùng - Tiền lãi vay	*10.677.971.650*	*4.625.490.904*
- Ông Đặng Trần Hồng Quân - Mượn tài sản	*55.205.479*	*221.333.130*
- Đối tượng khác	3.355.158.173	2.111.238.220
b) Dài hạn	**4.293.631.101**	**4.287.477.113**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.293.631.101	4.287.477.113
- Các đối tượng khác	*4.293.631.101*	*4.287.477.113*
Tổng	**18.814.682.787**	**11.486.133.751**
Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết xem thuyết minh 7.1)	***546.021.919***	***319.496.418***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**20.350.000.000**	**20.350.000.000**	**54.550.000.000**	**55.017.716.660**	**20.817.716.660**	**20.817.716.660**
Vay ngân hàng	***15.350.000.000***	***15.350.000.000***	***50.950.000.000***	***51.200.000.000***	***15.600.000.000***	***15.600.000.000***
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (1)	15.350.000.000	15.350.000.000	50.950.000.000	51.200.000.000	15.600.000.000	15.600.000.000
Vay cá nhân	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***	***3.600.000.000***	***3.600.000.000***	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***
Ông Trần Minh Hiếu	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-
Ông Đặng Trần Hồng Quân (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	-	***217.716.660***	***217.716.660***	***217.716.660***
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế CHAILEASE	-	-	-	217.716.660	217.716.660	217.716.660
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**38.822.550.000**	**38.822.550.000**	-	-	**38.822.550.000**	**38.822.550.000**
Vay cá nhân	***38.822.550.000***	***38.822.550.000***	-	-	***38.822.550.000***	***38.822.550.000***
Ông Nguyễn Thanh Tùng (4)	38.822.550.000	38.822.550.000	-	-	38.822.550.000	38.822.550.000
Tổng	**59.172.550.000**	**59.172.550.000**	**54.550.000.000**	**55.017.716.660**	**59.640.266.660**	**59.640.266.660**
Trong đó, khoản vay các bên liên quan *(Chi tiết xem tại thuyết minh số 7.1)*	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***			***5.000.000.000***	***5.000.000.000***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 15196/25MN/HĐTD ngày 28/05/2025, mục đích bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, thời hạn và lãi suất cho vay theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là:

- 02 bất động sản tại phường Sơn Kỳ Nhì, thành phố Hồ Chí Minh các bất động sản trên đều thuộc sở hữu của Bà Đặng Trần Hồng Liên.
- 02 bất động sản tại phường Long Bình, thành phố Hồ Chí Minh, các bất động sản trên đều thuộc sở hữu của ông Lê Hữu Chí.

(2) Vay ngắn hạn cá nhân Ông Đặng Trần Hồng Quân theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2024-VMG ngày 26/3/2024 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Lãi xuất cho vay: 13%/năm, được tính trên dư nợ gốc . Theo Phụ lục ngày 01/01/2025, thời hạn vay được gia hạn đến ngày 31/12/2025.

(3) Vay dài hạn cá nhân Ông Nguyễn Thanh Tùng theo các hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2021/VV-VMG ngày 31/5/2021 và số 05/VV-VMG-2023 ngày 07/8/2023 vào mục đích bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 15%/năm - 15,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(114.877.844.544)**	**19.680.108.998**
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(6.401.386.128)	(6.401.386.128)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(121.279.230.672)**	**13.278.722.870**
Số dư tại ngày 01/01/2025	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(121.279.230.672)**	**13.278.722.870**
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(26.147.492.574)	(26.147.492.574)
Số dư tại ngày 31/12/2025	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(147.426.723.246)**	**(12.868.769.704)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Lê Hữu Chí	18.113.250.000	18.113.250.000
Bà Lê Thị Thanh Tuyền	23.060.000.000	23.060.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	18.479.080.000	18.479.080.000
Các nhà đầu tư khác	36.347.670.000	36.347.670.000
Tổng	**96.000.000.000**	**96.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp tại đầu năm	**96.000.000.000**	**96.000.000.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	**96.000.000.000**	**96.000.000.000**
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**9.600.000**	**9.600.000**
Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**9.600.000**	**9.600.000**
Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	331.510.229.413	630.584.735.224
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.897.839.866	6.863.709.930
Tổng	**334.408.069.279**	**637.448.445.154**
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan *(Chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	*162.277.529.398*	*235.308.711.520*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	4.719.740.451	2.967.509.616
Giảm giá hàng bán	2.247.010.201	7.549.556.645
Hàng bán bị trả lại	52.190.535	-
Tổng	**7.018.941.187**	**10.517.066.261**
Trong đó, các khoản giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*	-	***2.299.476.049***

6.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	324.491.288.226	620.067.668.963
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.897.839.866	6.863.709.930
Tổng	**327.389.128.092**	**626.931.378.893**

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	297.647.507.413	579.181.583.260
Tổng	**297.647.507.413**	**579.181.583.260**

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	1.529.799	9.548.737
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	838.542
Tổng	**1.529.799**	**10.387.279**

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	8.343.411.686	8.710.308.543
Chi phí đi vay khác	467.561.097	507.167.521
Tổng	**8.810.972.783**	**9.217.476.064**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	**38.181.280.628**	**39.462.610.640**
Chi phí nhân viên	12.328.198.000	13.067.491.822
Chi phí vật liệu, bao bì	10.044.733.426	10.052.264.017
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	109.307.313	171.594.922
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.301.761.127	4.172.775.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.389.594.800	11.967.605.904
Chi phí khác	7.685.962	30.878.699
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**9.652.068.245**	**6.722.221.413**
Chi phí nhân viên	4.818.752.230	5.342.819.026
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.490.108	16.299.502
Chi phí khấu hao TSCĐ	139.627.896	139.627.896
Thuế, phí và lệ phí	8.284.576	10.784.576
Chi phí dự phòng	3.661.233.988	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	909.117.816	1.123.310.501
Chi phí khác	109.561.631	89.379.912
Tổng	**47.833.348.873**	**46.184.832.053**

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác	**1.343.316.822**	**3.124.849.022**
Doanh thu ký quỹ vỏ bình gas	888.446.012	1.101.748.817
Khác	454.870.810	2.023.100.205
Tổng	**1.343.316.822**	**3.124.849.022**
Chi phí khác	**589.638.218**	**1.377.555.676**
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	324.000.000	324.000.000
Chi tiền bảo dưỡng xe	-	363.000.000
Phạt vi phạm hành chính	189.887.641	327.660.535
Chi phí khác	75.750.577	362.895.141
Tổng	**589.638.218**	**1.377.555.676**
Lợi nhuận khác	**753.678.604**	**1.747.293.346**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(26.147.492.574)**	**(5.894.831.859)**
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	***9.140.110.251***	***8.427.603.202***
Chi phí lãi vay giao dịch liên kết theo NĐ132	*8.343.411.686*	*7.166.392.988*
Chi phí không có hóa đơn	-	*1.004.149.322*
Chi phí không hợp lý	*796.698.565*	*257.060.892*
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(17.007.382.323)**	**2.532.771.343**
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	**(17.007.382.323)**	**2.532.771.343**
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	**506.554.269**

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.159.530.847	10.240.158.441
Chi phí nhân công	17.146.950.230	18.410.310.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.441.389.023	4.321.403.172
Chi phí dự phòng	3.661.233.988	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.298.712.616	13.090.916.405
Chi phí khác bằng tiền	2.945.670.695	131.043.187
Tổng	**50.653.487.399**	**46.193.832.053**

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(26.147.492.574)	(6.401.386.128)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(26.147.492.574)	(6.401.386.128)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	9.600.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(2.724)**	**(667)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại Dầu Khí TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
Công ty CP ĐT XNK và Phát triển Năng lượng Toàn Cầu	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát
Công ty TNHH Nguyên Long - Trạm xăng dầu Đông Sài Gòn	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Chấn Cường	Tổ chức có liên quan tới Trưởng Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Thái Bình Dương	Tổ chức liên quan đến người nội bộ
Công ty Cổ phần Năng lượng Long Yin Long An	Tổ chức liên quan đến người nội bộ (đến ngày 11/8/2025)
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lê Hữu Chí	Chủ tịch	Lương, thưởng và thù lao	833.971.154	812.253.846
Ông Trần Thái Hưng Long	Nguyên Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Thù lao	40.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	Thành viên	Thù lao	120.000.000	120.000.000
Bà Lee Yuyoung	Nguyên Thành viên	Thù lao	33.076.923	-
Ông Nguyễn Huy Thành	Thành viên	Thù lao	46.923.077	-
Tổng			**1.073.971.154**	**1.052.253.846**

c. Thu nhập của Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Võ Cao Phong	Trưởng ban	Lương, thưởng và thù lao	761.025.641	680.064.848
Bà Lương Thị Ngọc Bích	Nguyên Thành viên	Thù lao	-	77.000.000
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên	Thù lao và lương thưởng	242.497.543	258.921.204
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Thù lao và lương thưởng	479.699.644	309.320.001
Tổng			**1.483.222.828**	**1.325.306.053**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Tiền lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Minh Hiếu	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	490.847.839	458.753.772
Ông Trần Thái Hưng Long	Nguyên Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	214.288.749	170.063.909
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	515.126.894	491.511.675
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 06/10/2025)	Lương, thưởng	340.305.840	454.497.214
Bà Hồ Thái Hòa	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 06/10/2025)	Lương, thưởng	59.731.914	-
Tổng			**1.620.301.236**	**1.574.826.570**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

e. Giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giao dịch mua			**14.632.027.241**	**373.621.310.078**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Mua LPG	-	137.547.082.954
		Chi phí vận chuyển	227.427.770	1.303.590.606
		Thuê xe	2.727.272	109.090.908
Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Mua LPG	-	186.732.742.972
		Nhượng quyền thương hiệu	-	255.426.935
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Mua LPG	-	46.100.013.904
		Mua vật tư	-	1.297.840.000
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Thuê văn phòng	36.363.636	231.818.180
		Mua LPG	-	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	Chi phí thuê vận chuyển	1.527.475.254	43.703.619
		Mua LPG	11.299.846.402	-
		Thuê Chiết nạp	1.538.186.907	
Giao dịch bán			**162.277.529.398**	**235.308.711.520**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Bán LPG	18.555.793.829	147.307.641.117
		Dịch vụ vận chuyển	-	507.626.515
		Dịch vụ bảo dưỡng chai LPG	279.124.000	2.581.231.000
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Cho thuê kho	-	1.253.440.952
		Xếp dỡ hàng hóa	-	-
		Thanh lý TSCĐ	-	53.500.000
		Thanh lý vật tư	-	831.180.208
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	Bán LPG	124.150.705.074	56.571.125.203
		Bảo dưỡng vỏ bình gas	1.545.260.000	957.975.000
		Cho thuê xe	1.209.677	91.780.000
		Cho thuê bồn	365.303.775	-
		Chiết nạp thuê	8.804.333	-
		Thuê trạm bơm	4.250.000	-
		Dịch dụ thay chân đế	2.160.000	-
		Xếp dỡ hàng hóa	134.572.988	-
		Vận chuyển thuê	-	225.549.096
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Bán LPG	-	19.860.214.534
		Cho thuê xe	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Bán LPG	17.230.345.722	4.166.143.810
		Bảo dưỡng vỏ bình gas	-	828.684.000
		Vận chuyển thuê	-	68.401.903
Công ty TNHH Chấn Cường	Tổ chức có liên quan tới Trưởng Ban Kiểm soát	Bán LPG	-	4.218.182
Giao dịch khác			**5.886.653.151**	**6.548.296.988**
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Nguyên kế toán trưởng	Chi phí lãi vay	649.999.999	655.821.918
		Tiền thu từ đi vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Lê Hữu Chí	Ảnh hưởng đáng kể	Thuê tài sản	236.653.152	236.653.152
Các khoản giảm trừ doanh thu			-	**2.299.476.049**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Chiết khấu thương mại	-	2.299.476.049

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

f. Số dư phải thu, phải trả chủ yếu các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		**25.925.949.703**	**40.447.517.782**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng Tp. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	466.724.718	36.331.215.057
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	2.635.195.871	2.635.195.871
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	22.824.029.114	1.481.106.854
Phải trả người bán ngắn hạn		**5.280.148.384**	**31.092.733.526**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng Tp. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	-	30.504.446.185
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	628.287.341	588.287.341
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	4.651.861.043	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		**6.283.994.113**	**6.283.994.113**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	6.283.994.113	6.283.994.113
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		**-**	**804.699.464**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	-	804.699.464
Phải trả khác ngắn hạn		**546.021.919**	**319.496.418**
Ông Lê Hữu Chí	Ảnh hưởng đáng kể	490.816.440	98.163.288
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Nguyên kế toán trưởng	55.205.479	221.333.130
Phải thu khác ngắn hạn		**1.079.526.006**	**1.079.526.006**
Công ty CP XNK và Phát triển năng lượng Toàn Cầu	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	900.000.000	900.000.000
Ông Lương Quốc Nam	Ảnh hưởng đáng kể	179.526.006	179.526.006
Vay		**5.000.000.000**	**5.000.000.000**
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Ảnh hưởng đáng kể	5.000.000.000	5.000.000.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Hồ Thái Hòa	Trần Minh Hiếu